

ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN NÓI VÀ VĂN BẢN VIẾT

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được những đặc điểm khác nhau giữa văn bản nói và văn bản viết.
- Vận dụng kiến thức trên vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.

Cụ thể :

+ Có kĩ năng tiếp nhận bài học trong SGK (dạng viết) và tiếp nhận lời giảng của GV (dạng nói).

+ Biết trình bày một nội dung theo *dạng viết* và theo *dạng nói* (chuyển đổi từ dạng viết sang dạng nói và ngược lại).

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Văn bản nói và văn bản viết

a) HS đã học phân loại văn bản theo phong cách chức năng ngôn ngữ, tức phân loại văn bản theo lĩnh vực và mục đích giao tiếp. Việc chia văn bản thành nói và viết là chia theo dạng trình bày, dạng thể hiện văn bản. Cần lưu ý là các loại văn bản được phân loại theo phong cách chức năng ngôn ngữ đều có thể được thể hiện ở cả hai dạng nói và viết. Cụ thể :

– Văn bản sinh hoạt dạng nói (hội thoại hàng ngày,...), dạng viết (thư từ, ghi chép cá nhân,...).

– Văn bản hành chính dạng nói (giao tiếp chính thức ở hội nghị, toà án,...), dạng viết (văn bản hiến pháp, pháp luật, đơn từ,...).

– Văn bản khoa học dạng nói (lời giảng trên lớp, lời phát biểu ở hội thảo khoa học,...), dạng viết (sách giáo khoa, luận văn, luận án,...).

v.v.

b) Có những văn bản nói được trình bày, ghi lại ở dạng viết như các đoạn hội thoại trong các tác phẩm văn học. Do ghi lại ở dạng viết, nên những văn bản này đã bị biến đổi đi chút ít, mất tính phong phú, đa dạng về ngữ điệu, tính cảnh huống cụ thể.

Ngược lại, có những văn bản viết được trình bày ở dạng nói, như các bài đọc trên các chương trình phát thanh, truyền hình. Khi trình bày ở dạng nói, văn bản viết cũng có thể bị biến đổi chút ít do ảnh hưởng của ngữ điệu sống động.

2. Về phương pháp

Bài này trong SGK cũng được trình bày thành hai phần rõ rệt : lí thuyết và luyện tập. GV có thể tiến hành dạy xong lí thuyết rồi cho HS luyện tập hoặc dạy lí thuyết xen kẽ với luyện tập. Tuy nhiên, bài này có thể được dạy theo lối luyện tập là chính, từ đó cho HS ghi nhớ các đặc điểm cần lưu ý về văn bản nói và văn bản viết.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

– Kiểm tra bài cũ : GV kiểm tra các đơn hoặc biên bản đã giao HS về nhà viết từ tiết trước, chú ý chữa lỗi và lưu ý HS về thể thức văn bản.

– GV có thể đặt câu hỏi : Giao tiếp có thể tiến hành bằng những cách như thế nào ?

HS có thể trả lời : Bằng những cách khác nhau như nói chuyện trực tiếp, điện thoại, viết thư, v.v. GV tổng kết : Tựu trung lại, giao tiếp có thể tiến hành bằng cách nói hoặc viết. Theo đó, chúng ta có các văn bản nói và văn bản viết.

Tuy cùng là văn bản, nhưng nói và viết có những đặc điểm khác nhau. Bài này sẽ cho HS thấy những đặc điểm riêng của chúng. Từ đó, chúng ta cần tránh các lỗi nói như viết hoặc viết như nói.

2. Phần tổ chức dạy học

GV hướng dẫn HS làm các bài tập trong SGK.

a) *Bài tập 6*

GV gọi một vài HS trình bày miệng trước lớp nội dung mục *Tiểu dẫn* bài *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* (các HS ngồi dưới có thể nêu các câu hỏi ở những chỗ không rõ nhằm tạo ra một cuộc hội thoại tự nhiên). Yêu cầu những HS còn lại chú ý đến những điểm khác về cách trình bày so với SGK.

GV đặt các câu hỏi để chỉ ra sự khác nhau giữa văn bản nói và văn bản viết.

Ví dụ (tham khảo) :

– *Khi nói, chúng ta dùng phương tiện gì để biểu đạt ? (âm thanh, ngữ điệu).*

– Ngoài âm thanh, ngữ điệu, người nói còn sử dụng những gì kèm theo ? (nét mặt, dáng điệu, cử chỉ,...).

– GV có thể cho một HS đọc mục *Đặc điểm của văn bản nói* trong SGK và đặt câu hỏi : Nghe đọc dễ hơn hay nghe bạn trình bày dễ hơn ? (Khi trình bày miệng, người nghe dễ tiếp thu hơn vì có những điểm được nhấn mạnh, kéo dài,...). Chú ý nếu HS (được gọi) trình bày miệng chưa tốt, GV có thể yêu cầu HS so sánh giữa việc nghe đọc với nghe GV trình bày miệng.

– Cho HS tìm các ví dụ về giao tiếp nói và viết. Nhấn mạnh : Giao tiếp nói là hình thức giao tiếp cơ bản nhất, sống động nhất. Mở rộng : Giao tiếp nói có từ lâu đời, bản thân ngôn ngữ ban đầu chỉ tồn tại ở dạng nói bằng âm thanh, dạng viết xuất hiện muộn hơn rất nhiều, đầu tiên chỉ dùng để ghi lại dạng nói của ngôn ngữ, dần dần hình thành nên các đặc điểm giao tiếp đặc thù cho dạng viết.

b) *Bài tập 1*

Cho HS đọc mục I và II trong SGK để củng cố lại kiến thức rồi điền vào bảng phân biệt văn bản nói và văn bản viết. Cụ thể :

	Văn bản nói	Văn bản viết
<i>Về điều kiện sử dụng</i>	Người nghe có mặt trực tiếp	Người nghe không có mặt trực tiếp
<i>Về phương tiện vật chất</i>	Dùng âm thanh và ngữ điệu, thường sử dụng kèm các phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, dáng điệu, cử chỉ,...	Dùng kí tự, dấu giọng, dấu câu ; không dùng kèm các phương tiện phi ngôn ngữ
<i>Về đặc điểm ngôn ngữ</i>	Sử dụng các yếu tố dư thừa, lặp,... các hình thức tình lược. Văn bản nói tự nhiên, ít trau chuốt	Diễn đạt chặt chẽ, với những từ ngữ, các quy tắc tạo câu đặc trưng cho dạng viết. Văn bản viết thường tinh luyện và trau chuốt

c) *Bài tập 2, 3, 4, 5*

Bài tập 2

Văn bản nói được ghi lại ở dạng viết như : các đoạn đối thoại trong các tác phẩm văn học ; lời phát biểu tại các cuộc họp được ghi lại trong các biên bản, v.v. (Lưu ý : Khi ghi lại ở dạng viết, văn bản có thể bị biến đổi đi đôi chút cho phù hợp với dạng viết).

Bài tập 3

Văn bản viết được trình bày ở dạng nói như : các bài phát biểu theo giấy được viết sẵn, các bản tin được đọc trên đài phát thanh, truyền hình, v.v. (Lưu ý : Khi trình bày ở dạng nói, văn bản viết cũng có thể bị biến đổi đi để phù hợp với dạng nói, đặc biệt khi được trình bày kèm theo các phương tiện phi ngôn ngữ).

Bài tập 4

– Mục a, b chứa các đặc điểm của văn bản viết : kết cấu câu chặt chẽ, đầy đủ thành phần, năm sinh và năm mất trong ngoặc đơn.

– Mục c chứa các đặc điểm của văn bản nói : sử dụng hiện tượng tỉnh lược (*Sao không cưỡi lên ngựa mà chạy cho mau ?*), vì chủ ngữ là người nghe có mặt trực tiếp trong giao tiếp ; kết cấu đặc thù cho văn bản nói (*Rõ khéo cho anh ! [...] à ?*).

Bài tập 5

Tham khảo cách viết lại như sau :

...

Thấy vậy, thầy lấy làm đắc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ gào lên : "Dủ dĩ là con dù dì, đủ dĩ là con dù dì".

*Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên, bỏ cuốc chạy vào, giở sách ra xem, hỏi thầy rằng chữ **kê** là **gà**, sao thầy lại dạy ra "dủ dĩ" là con "dù dì" ? Bấy giờ thầy mới nghĩ thâm : "Minh dốt, Thổ công nhà nó cũng dốt nữa", nhưng nhanh trí, thấy vội nói gỡ rằng thầy vẫn biết chữ ấy là chữ **kê**, mà **kê** nghĩa là **gà**, nhưng dạy thế là để học trò biết tam đại con gà kia. Nhà chủ càng không hiểu, hỏi thầy rằng tam đại con gà nghĩa ra làm sao thì thầy bảo nghĩa nó thế này : "Dủ dĩ là con dù dì, con dù dì là chị con công, con công là ông con gà !".*